

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: Hóa học 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Benzen và đồng đẳng	Benzen và đồng đẳng	7	5.0	6	6.0	3	4.5	2	4.0	-	18	19.5	45%
2	Dẫn xuất hiđrocacbon	Ancol -phenol	7	5.0	6	6.0	4	6.0	2	5.0	-	19	21.0	47.5%
		Andehit	1	1.0	-	-	1	1.5	-	-	-	2	3.0	5%
		Axit cacboxylic	1	1.0	-	-	-	-	-	-	-	1	1.0	2,5%
Tổng			16	12 phút	12	12 phút	8	12 phút	4	9 phút	0	40	45 phút	100%
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%					
Tỉ lệ chung			70				30							

Ghi chú:

- Hình thức kiểm tra: TỰ LUẬN 100%.
- Số điểm được quy định trong Hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm đã quy định trong ma trận.
- Không được chọn câu ở mức độ vận dụng và câu ở mức độ vận dụng cao trong cùng một đơn vị kiến thức.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: Hóa học 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo các mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Benzen và đồng đẳng	Benzen và đồng đẳng	Nhận biết: - Định nghĩa, công thức chung. - Đặc điểm cấu tạo - Viết đồng phân hidrocarbon thơm. - Gọi tên thay thế. - Tính chất vật lí: nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi của các chất trong dãy đồng đẳng benzen. Thông hiểu: - Công thức phân tử, viết công thức cấu tạo và gọi tên. - Tính chất vật lí : Quy luật biến đổi nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi của các chất trong dãy đồng đẳng benzen, stiren. - Tính chất hoá học : + Phản ứng thế (quy tắc thế) + Phản ứng cộng vào vòng benzen + Phản ứng oxi hoá mạch nhánh. Vận dụng và vận dụng cao: - Viết PTHH của benzen, toluen, stiren. - Chứng minh tính chất. - Tính toán lượng chất thông qua phản ứng quen thuộc	7	6	3	2

2	Dẫn xuất hidrocacbon	Ancol	Nhận biết: - Khái niệm. - Phân loại, bậc ancol. - Tính chất vật lí : Trạng thái, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính tan. - Viết đồng phân ancol. - Gọi tên thay thế, tên thường của một số ancol thông dụng. Thông hiểu: - Tính chất hoá học : + Phản ứng với natri, kali. + Phản ứng với axit HCl, HBr. + Phản ứng tách nước. + Phản ứng oxi hoá. - Mối quan hệ giữa các loại hidrocacbon quan trọng thông qua các phản ứng hóa học. Vận dụng và vận dụng cao: - Viết các PTHH. - Chứng minh tính chất hóa học của ancol. - Dự đoán hiện tượng phản ứng. - Thực hiện chuỗi phản ứng thể hiện mối liên hệ giữa các chất hữu cơ. - Các bài tập tính toán.	7	6	4	2
		Phenol	Nhận biết: – Khái niệm, – Tính chất vật lí : Trạng thái, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính tan. – Tính chất hoá học: tác dụng với natri, natri hiđroxit, nước brom.				

			– Khái niệm về ảnh hưởng qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử hợp chất hữu cơ. Thông hiểu: – Phân biệt dung dịch phenol với ancol cụ thể bằng phản ứng hoá học. – Ảnh hưởng qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử hợp chất hữu cơ. – Tính chất hoá học: tác dụng với natri, natri hiđroxit, nước brom. - Tính toán lượng chất thông qua phản ứng quen thuộc. Vận dụng: - Viết phương trình hóa học minh họa tính chất hóa học của phenol. - Tính khối lượng phenol hoặc sản phẩm tạo thành thông qua các phản ứng đặc trưng. Vận dụng cao: - Xác định công thức phân tử, viết công thức cấu tạo thông qua các phản ứng đặc trưng. - Bài tập hỗn hợp ancol, phenol.				
		Andehit	Nhận biết: - Định nghĩa, phân loại. - Viết đồng phân andehit. - Danh pháp của một số andehit đơn giản.	1		1	

			- Đặc điểm cấu tạo phân tử của anđehit. - Tính chất vật lí : Trạng thái, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính tan. Vận dụng và vận dụng cao:: - Quan sát thí nghiệm, hình ảnh và rút ra nhận xét về cấu tạo và tính chất. - Viết các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của anđehit fomic và anđehit axetic. - Nhận biết anđehit bằng phản ứng hoá học đặc trưng. - Tính khối lượng hoặc nồng độ dung dịch anđehit trong phản ứng. - Xác định công thức phân tử của anđehit thông qua các phản ứng đặc trưng.				
		Axit cacboxylic	Nhận biết: - Định nghĩa, phân loại, đặc điểm cấu tạo phân tử, danh pháp. - Tính chất vật lí : Nhiệt độ sôi, độ tan trong nước ; Liên kết hiđro. - Tính chất hoá học : Tính axit yếu (phân li thuận nghịch trong dung dịch, tác dụng với bazơ, oxit bazơ, muối của axit yếu hơn, kim loại hoạt động mạnh), tác dụng với ancol tạo thành este. Khái niệm phản ứng este hoá. - Phương pháp điều chế, ứng dụng của axit cacboxylic.	1			
Tổng số câu				16	12	2	2